

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 64/2020/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 17 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 120/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Ông **Đỗ Quang V** – sinh năm 1957.

2/ Bà **Phạm Thị N** – sinh năm 1970.

Cùng Địa chỉ: Tổ 18, khu phố Tám Thước, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà N: Ông **Mai Hồng Hải** – sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp Rạch Đùng, xã Bình Trị, huyện K, tỉnh Kiên Giang và ông **Trịnh Thế Phước** – sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Song Chính, xã Bình Trị, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2019).

- Bị đơn: 1/ Bà **Phạm Thị Kiều T** – sinh năm 1981.

2/ Ông **Giang Văn M** – sinh năm 1980.

Cùng Địa chỉ: khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Bà Phạm Thị Kiều T thừa nhận còn nợ ông Đỗ Quang V và bà Phạm Thị N số tiền là 67.300.000đ (Sáu mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

- Về cách T toán nợ: Ông V, bà N và bà T thống nhất cách T toán nợ như sau:

+ Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020, mỗi tháng bà T trả 1.500.000 đồng.

+ Từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021, mỗi tháng bà T trả 2.000.000 đồng.

+ Từ tháng 01/2022 đến tháng 8/2022, mỗi tháng bà T trả 4.662.500 đồng cho đến khi hết nợ.

Trả nợ định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 15/9/2020.

Trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vào bất kỳ lần nào thì ông V, bà N được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang thi hành án toàn bộ số tiền nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày ông V, bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà T còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.682.500 đồng, mỗi bên chịu một nửa với số tiền là 841.250 đồng. Ghi nhận việc bà T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí là 1.682.500 đồng. Ông V, bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.920.000 đồng theo lai thu số 0000087 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Pho